

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẠI TỪ
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Số: 55/2023/QĐST-HNGĐ

Đại Từ, ngày 21 tháng 3 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 53/2023/TLST - HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2023 giữa:

- Nguyên đơn: Chị Bùi Thị H, sinh năm 2000.

ĐKKHKT: Xóm C, xã P, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên

- Bị đơn: Anh Trần Văn N, sinh năm 1996.

ĐKKHKT: Xóm C, xã P, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

Căn cứ vào Điều 212 Điều 213 và Điều 482 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 357 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13 tháng 3 năm 2023.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13 tháng 3 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Bùi Thị H và anh Trần Văn N.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ vợ chồng: Chị Bùi Thị H và anh Trần Văn N nhất trí, tự nguyện thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị H và anh N có 01 con chung Trần Yến T, sinh ngày 04/5/2019.

Khi ly hôn chị H và anh N đã tự thoả thuận anh N được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung Trần Yến T, sinh ngày

04/5/2019 đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi, trừ trường hợp chị H và anh N có thỏa thuận khác hoặc có sự thay đổi khác. Chị H được quyền đi lại trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên mà không ai được cản trở.

Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cho anh N là 1.500.000đ/tháng cho con chung từ tháng 04/2023 đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Anh N hoàn toàn nhất trí.

Trường hợp chậm thi hành nghĩa vụ cấp dưỡng thì phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành tương ứng với thời gian chậm thi hành. Lãi suất phát sinh do chậm thi hành được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 BLDS, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị H và anh N không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị H tự nguyện chịu 150.000 đ án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con sung công quỹ nhà nước. Được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0004116 ngày 03/3/2023 tại Chi cục THADS huyện Đại Từ.

Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi đ-ợc ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo điều 6, 7 và điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đ-ơng sự;
- VKSND huyện Đại Từ;
- Chi cục THADS huyện Đại Từ;
- UBND xã;
- L- u hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Kao Hoàng

